

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THUẬN THÀNH  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ- ST  
Ngày: 13/12/2017  
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Huy Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đăng Dũng

Ông Trần Đăng Hùng

*- Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thanh Thúy

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2013/HNGĐ- ST ngày 20 tháng 03 năm 2013 và quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 04/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXX- ST ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh Trần Danh Tr, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Th, tỉnh B.

(Có mặt)

*- Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 51/4 Tổ 82, Khu phố 7, Phường T, Quận 12, Thành phố H.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Danh Tr và chị Nguyễn Thị B kết hôn ngày 03/4/2000, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND Phường T – Quận 12 – Thành phố H.

Sau khi kết hôn anh chị làm ăn sinh sống tại 51/4 Tổ 82, Khu phố 7, Phường T, Quận 12, Thành phố H.

Theo anh Tr: Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm sau đó đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn và sinh hoạt hàng ngày, anh muốn về quê làm ăn sinh sống nhưng chị B lại không muốn về quê chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 01/2011 anh về quê huyện Th - tỉnh B làm ăn sinh sống, từ đó vợ chồng đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh xác định giữa anh và chị B thời gian ly thân đến nay đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống cùng nhau được, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có hai con chung là Trần Danh N, sinh ngày 22/01/2001 và Trần Danh Ph, sinh ngày 03/12/2007. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh nuôi cháu N còn chị B nuôi cháu Ph. Các cháu đều mạnh khỏe, phát triển bình thường, cuộc sống đều đảm bảo.

Ly hôn anh đề nghị Tòa án giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa anh và chị B không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh xác nhận giữa anh và chị B không có gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tr và chị B đã có đơn lựa chọn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành giải quyết vụ án ly hôn cho anh chị. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ủy thác cho Tòa án nhân dân Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh giao Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, hướng dẫn tự khai và lấy lời khai của chị B. Tòa án đã gửi Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; cho chị Nguyễn Thị B theo đúng quy định của pháp luật. Chị B đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị B vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tiền bạc, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2013 đến nay. Nay anh Tr xin ly hôn chị B thấy không thể hòa giải và tiếp tục chung sống với nhau, chị đồng ý ly hôn anh Trần Danh Tr.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Tr có hai con chung như anh Tr trình bày là đúng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Danh Ph và đồng ý để anh Tr tiếp tục được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Danh Ph. Việc cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh Tr không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị B và đề nghị Toà án tiếp tục giao cho anh được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Danh N, giao cho chị B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Danh Ph. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều b khoản 1 Điều 39 ; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 89, 91, 92 và 94 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Xử

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Danh Tr được ly hôn chị Nguyễn Thị B

Về con chung: Giao cho anh Tr tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng Trần Danh N, sinh ngày 22/01/2001. Giao cho chị B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng Trần Danh Ph, sinh ngày 03/12/2007

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Danh Tr phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Trần Danh Tr và chị Nguyễn Thị B kết hôn ngày 03/04/2000, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND Phường T, Quận 12, Thành phố H, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Danh Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị B là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn và sinh hoạt hàng ngày, anh muốn về quê làm ăn sinh sống nhưng chị B lại không muốn về quê chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau, từ đó vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Từ tháng 01/2011 anh về quê huyện Th, tỉnh B làm ăn sinh sống, từ đó vợ

chồng đã sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ. Năm 2013 anh chị đã cùng nhau thông nhất làm đơn xin ly hôn và lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành giải quyết việc ly hôn cho anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải để các bên về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa HĐXX công bố bản tự khai và biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Thị B ghi ngày 02/11/2017 do chị B vắng mặt tại phiên tòa

Anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị B. Chị B đồng ý ly hôn với anh Tr nhưng vì điều kiện đường xá xa xôi đi lại gặp nhiều khó khăn nên chị có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 xử cho anh Tr được ly hôn với chị B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Tr và chị B có hai con chung là Trần Danh N, sinh ngày 22/01/2001 và Trần Danh Ph, sinh ngày 03/12/2007. Tại phiên tòa hôm nay anh Tr đề nghị, Tòa án tiếp tục giao cho anh được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Danh N, và giao cho chị B tiếp tục được chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Danh Ph.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Tr: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh Tr là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì thực tế từ khi vợ chồng ly thân anh Tr nuôi cháu N còn chị B nuôi cháu Ph, cuộc sống của các cháu vẫn đảm bảo, nguyện vọng của cháu N muốn tiếp tục được ở với anh Tr và nguyện vọng của cháu Ph muốn tiếp tục được ở với chị B nên cần giữ nguyên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung như hiện nay là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Tr và chị B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Tr, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Tr phải chịu 200.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 39 ; Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 89, 91, 92 và 94 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Danh Tr được ly hôn chị Nguyễn Thị B
2. Về con chung: Giao cháu Trần Danh N , sinh ngày 22/01/2001 cho anh Trần Danh Tr tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng Giao cháu Trần Danh Ph , sinh ngày 03/12/2007 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Danh Tr phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh Tr đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/00108 ngày 20/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Nguyên đơn, có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- UBND Phường T
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huy Tuấn**